

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY CP KHÍ CỤ ĐIỆN I  
NĂM 2013**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần Khí cụ điện I**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0500447942 do sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tây cấp lần đầu ngày 12 tháng 4 năm 2004 (thay đổi lần thứ 5 ngày 01 tháng 06 năm 2012).
- Vốn điều lệ: 34.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2013 : 34.000.000.000 đồng
- Địa chỉ : Phường Xuân Khanh - Thị xã Sơn Tây - Thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: 04 33 838 181
- Số Fax : 0433 838 405
- Website: WWW.vinakip.vn.

**2. Quá trình hình thành và phát triển**

- Công ty là thành viên thuộc Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam - Bộ Công Thương, được thành lập ngày 11 tháng 01 năm 1967 theo Quyết định số : 40/BCN-Kb2 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

- Ngày 31/12/2003 Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp ra Quyết định số : 247/2003/QĐ - BCN về việc chuyển Công ty Khí cụ điện I thành Công ty cổ phần Khí cụ điện I. Từ tháng 5/2004 đến nay Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình cổ phần.

**3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:** (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất)

- Ngành nghề kinh doanh:
  - + Sản xuất, kinh doanh các thiết bị đóng cắt, điều khiển, chiếu sáng và bảo vệ dòng điện cao áp, trung áp và hạ áp;
  - + Sản xuất dây và thiết bị dây dẫn;
  - + Kinh doanh các loại vật tư, vật liệu điện và thiết bị phục vụ cho sản xuất, kinh doanh của Công ty.

- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất):

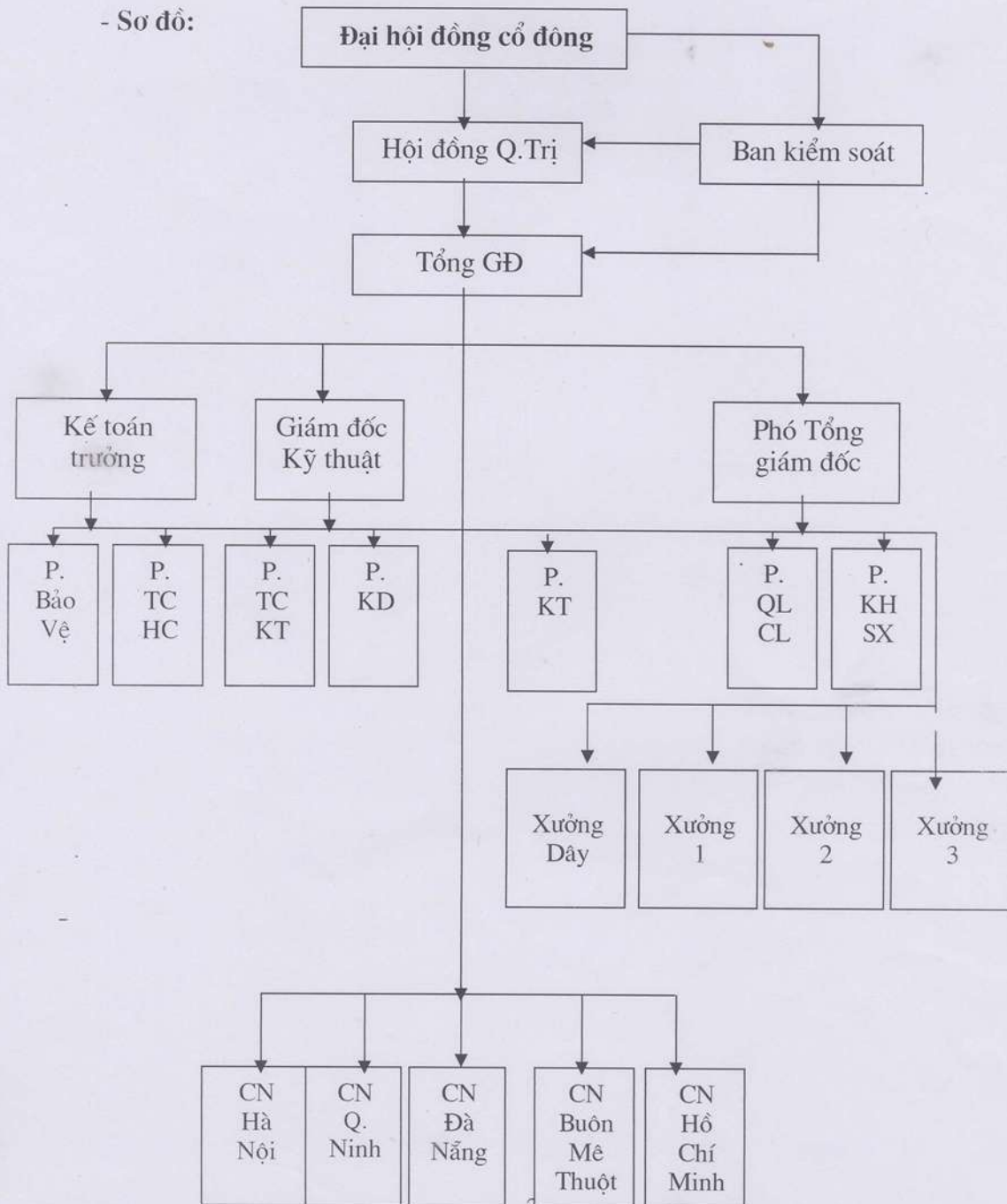
Công ty có 05 chi nhánh:

- + Chi nhánh tại số 96 - 98 Đường Nguyễn Trãi , Quận Thanh Xuân , TP Hà Nội
- + Chi nhánh tại số 370, Nguyễn Văn Cừ, P. Hồng Hải, TP Hạ Long, Quảng Ninh
- + Chi nhánh tại số 163 , Khu dân cư Hòa Phát 3, tổ 47, P. Hòa Minh, TP Đà Nẵng
- + Chi nhánh tại số 22, đường Ngô Quyền, P. Tân Lợi, TP Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk
- + Chi nhánh tại số 43 KDC An Lạc, P. Bình Trị Đông, Q. Tân Bình, TP HCM.

#### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của DN theo hình thức tập trung.

- Sơ đồ:



## 5. Định hướng phát triển

- Tập trung nghiên cứu, đầu tư phát triển theo định hướng đa dạng hóa mặt hàng khí cụ điện, có trọng tâm nghiên cứu nhóm hàng có giá trị doanh thu cao.
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.
- + Thực hiện, duy trì có hiệu lực, hiệu quả Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO TCVN 14001 : 2010, tạo ra các sản phẩm dịch vụ thân thiện với môi trường. Mọi hoạt động về môi trường đều được tuân thủ theo các quy định pháp luật có liên quan.
- + Tích cực thực hiện các đợt vận động, ủng hộ từ thiện do chính quyền địa phương và cơ quan quản lý cấp trên phát động.

## II . TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2013

### 1 . Tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh

#### a) Kết quả sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	So sánh với KH (%)	So sánh với 2012 (%)
1	Tổng doanh thu Tr.đó : Doanh thu SXCN	Đồng	243.930.258.919	101,6	112
			234.975.934.923	102	110
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	14.508.102.012	100	101
3	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	10.840.180.044	99,7	101
4	Số đã nộp NSNN	Đồng	11.888.896.062	118	127
5	Đầu tư XD CB	Đồng	2.224.112.014	74	564
6	Tỷ lệ trả cổ tức	%	20	100	100

#### b) Đánh giá việc thực hiện so với kế hoạch và năm trước liền kề

So với kế hoạch, các chỉ tiêu tài chính đều thực hiện đạt và có mức tăng trưởng. So sánh với năm 2012, thì kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013 đạt mức tăng trưởng khá. Kết quả này đã phản ánh sự nỗ lực, cố gắng của tập thể Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên lao động toàn Công ty.

Năm 2013 có nhiều khó khăn do khó khăn chung của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới có tác động ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy vậy các chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh đều đạt và vượt các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra, đảm bảo được việc làm, duy trì mức thu nhập ổn định tăng trưởng cho người lao động. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đảm bảo chia cổ tức và có tích lũy vốn, mức chia cổ tức là 20%/ vốn điều lệ.

### 2 . Tổ chức và nhân sự

#### 2.1 Danh sách ban điều hành

##### a) Ông Phùng Đề - Tổng giám đốc

Giới tính: Nam ; Ngày sinh: 17/06/1959; Quốc tịch: Việt nam ; Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Xã Hòa Xá, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ thường trú: TT Công ty xây dựng, Tổ 41 B, Phường Thành Công, TP Hà Nội.

Trình độ học vấn: Đại học Bách khoa, Đại học Kinh tế

Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: 27.920 CP.

Số cổ phần đại diện cho Nhà nước: 987.040 CP

**b) Ông Lê Xuân Thành - Phó Tổng giám đốc**

Giới tính: Nam; Ngày sinh: 11/04/1976; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

Quê quán: Xã Thanh Đa, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội.

Địa chỉ thường trú: số 4, tổ 5A, Phố Chùa Thông, Sơn Lộc, Sơn Tây, TP Hà Nội.

Trình độ học vấn: Đại học Kinh tế quốc dân.

Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: 61.420 CP

Số cổ phần đại diện cho Nhà nước: 0

**c) Bà Ha Thi Dung: Giám đốc Tài chính - kiêm Kế toán trưởng**

Giới tính: Nữ; Ngày sinh: 10/12/1959; Quốc tịch: Việt nam; Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: xã Trung Sơn Trầm, Thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội.

Địa chỉ thường trú: Nhà số 4, tổ 36C, Phường Xuân Khanh, Sơn Tây, TP Hà Nội.

Trình độ học vấn: Đại học Tài chính kế toán.

Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: 16.240 CP.

Số cổ phần đại diện cho Nhà nước: 340.000 CP.

**2.2 Những thay đổi trong ban điều hành năm 2013: Không có**

- Số lượng cán bộ công nhân viên:

TT	Trình độ lao động	Số người	Tỷ lệ(%)
1	Trình độ Đại học	78	16
2	Cao đẳng, trung cấp	33	7
3	Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	375	77
	<b>Tổng số</b>	<b>486</b>	<b>100</b>
	Trong đó: Lao động nữ	216	44

- Chính sách đối với người lao động:

+ Chế độ tiền lương được Công ty trả cho người lao động căn cứ vào khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc. Đối với công nhân lao động trực tiếp sản xuất: Lương được trả theo định mức lao động, đối với lao động hưởng lương thời gian được trả theo lương khoán.

+ Ngoài chế độ tiền lương, căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh, công ty thực hiện chế độ chi tiền thưởng, chi trả tiền ăn giữa ca, tiền mừng ngày sinh nhật, tiền thưởng nhân các ngày Lễ, Tết, tiền nghỉ mát, tiền thưởng sáng kiến,

**3. Tình hình đầu tư**

Năm 2013 Công ty quyết định đầu tư có trọng tâm nhằm nâng cao năng lực sản xuất đáp ứng yêu cầu của sản xuất kinh doanh đầu tư một số máy móc thiết bị : Máy ép nhựa, uốn hình tự động, máy nén khí, giá trị đầu tư 2,2 tỷ đồng.

#### 4. Tình hình tài chính

##### a. Tình hình tài chính

ĐVT : Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	Tỷ lệ(%)
- Tổng giá trị tài sản	110.855.297.644	101.919.119.917	109
- Doanh thu thuần	243.930.258.919	217.416.352.450	112
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14.437.783.830	13.855.319.476	103
- Lợi nhuận khác	70.318.182	452.227.615	15
- Lợi nhuận trước thuế	14.508.102.012	14.307.547.091	101
- Lợi nhuận sau thuế	10.840.180.044	10.738.410.318	101
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%	20%	100

##### b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	Tỷ lệ(%)
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/ Nợ ngắn hạn	2,21	2,24	99
+ Hệ số thanh toán nhanh <u>TSLĐ - hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,15	1,09	1,05
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,34	0,3	113
+ Hệ số nợ / vốn chủ sở hữu	0,51	0,43	118
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	6,23	6,1	102
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	2,2	2,13	103
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần	0,044	0,049	90
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,15	0,15	100
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,097	0,105	92
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,059	0,06	98

##### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

**a) Cổ phần**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

TT	Tên chi tiết	ĐVT	Số tiền
1	Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
	Vốn góp đầu năm	Đồng	34.000.000.000
	Vốn góp cuối năm	Đồng	34.000.000.000
2	Cổ phiếu	Cổ phiếu	
	- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		3.400.000
	- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	3.400.000
	+ Cổ phiếu phổ thông	-	3.400.000
	- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	3.400.000
	+ Cổ phiếu phổ thông	-	3.400.000
	- Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	Đồng	10.000

**b) Cơ cấu cổ đông**

TT	Tên chi tiết	Số tiền	Tỷ lệ
1	Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (Cổ đông pháp nhân)	17.350.400.000	51,03 %
2	Cổ đông thể nhân	16.649.600.000	48,97%
	<b>Tổng</b>	<b>34.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Một số chỉ tiêu chủ yếu đạt được năm 2013:

+ Chỉ tiêu doanh thu : đạt 243.930.258.919 đồng, so sánh với thực hiện năm 2012 bằng 112%.

+ Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 14.508.102.012 đồng, so sánh với thực hiện năm 2012 bằng 101%.

+ Tỷ lệ chia cổ tức là: 20%/ vốn điều lệ, so sánh với thực hiện năm 2012 bằng 100%.

Năm 2013 là năm rất khó khăn của các doanh nghiệp do sức mua trên thị trường sụt giảm, các yếu tố đầu vào cho sản xuất kinh doanh tăng cao như: Nguyên vật liệu, tiền lương tối thiểu, trích nộp bảo hiểm cho người lao động, giá điện, giá xăng dầu,... Trong khi đó giá bán đầu ra không tăng, hàng hóa sản xuất ra tiêu thụ chậm, làm cho hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty tăng không cao.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Với sự cố gắng của Ban giám đốc Công ty đã chỉ đạo sản xuất kinh doanh đúng định hướng, nắm bắt cơ hội kịp thời, các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2013 đã đạt và vượt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, sản xuất kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển được vốn của cổ đông.

Trong năm Ban giám đốc đã tập trung vào việc thực hiện các giải pháp công tác thị trường, chính sách bán hàng, nhằm thúc đẩy tiêu thụ, bán được hàng ở mức cao nhất có thể, đảm bảo việc làm cho người lao động, duy trì ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh.

## **2. Tình hình tài chính**

### **a). Tình hình tài sản của Công ty**

- Năm 2013 bảo toàn được tài sản, tiền vốn và sử dụng vốn có hiệu quả cho sản xuất kinh doanh, chỉ tiêu đầu tư tài sản cố định : Công ty mua một số thiết bị có trọng tâm, trọng điểm cho sản xuất kinh doanh giá trị: 2.224 triệu đồng.

- Các khoản phải thu ngắn hạn là: 4.843.164.334 đồng, trong đó: trích dự phòng phải thu khó đòi là: 299.855.731 đồng, các khoản nợ đều có khả năng thu được.

### **b) Tình hình nợ phải trả**

- Số nợ phải trả là: 37.432.895.777 đồng, tỷ lệ bằng 33%/ tổng nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 31/12/2013, các khoản nợ phải trả Công ty có đủ điều kiện trả nợ đúng kỳ hạn.

## **3. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

- Mục tiêu doanh thu: tăng trưởng bình quân 12 %/ năm trong 5 năm tiếp theo.

- Lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước.

- Bảo toàn và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn chủ sở hữu, giữ vững nền tài chính của Công ty minh bạch, lành mạnh.

- Giữ vững thương hiệu VINAKIP là thương hiệu mạnh, với phương châm: Chất lượng vì cuộc sống, tạo ra các sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường, thỏa mãn sự mong đợi của khách hàng.

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Hội đồng quản trị đã làm việc nỗ lực hỗ trợ Ban Tổng giám đốc và giám sát chặt chẽ, chỉ đạo sát sao tình hình triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã đề ra trong năm 2013.

Các mặt hoạt động của Công ty các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đạt và vượt được theo kế hoạch của Đại Hội đồng cổ đông đề ra.

Ban Tổng giám đốc đã lãnh đạo Công ty sản xuất kinh doanh đúng theo quy định của pháp luật, với sự chủ động nhanh nhạy nắm bắt cơ hội thị trường, tổ chức sản xuất đáp ứng yêu cầu khách hàng, tăng cường công tác quản trị, giám sát việc quản lý sử dụng vốn, tài sản phục vụ sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển được nguồn vốn của cổ đông. Tình hình tài chính lành mạnh, cơ cấu vốn và tài sản hợp lý, có tiềm năng phát triển bền vững.

42  
TY  
ÂN  
DIỆM  
- 18

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: 5 thành viên

TT	Họ và tên	Số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết		Tỷ lệ	Ghi chú
		Số CP đại viên phần vốn NN	Số CP cá nhân nắm giữ		
1	Ông Phùng Đệ	987.040	27.920	29,9%	Thành viên điều hành
2	Ông Hoàng Anh Dũng	408.000	0	12	Thành viên độc lập
3	Ông Nguyễn Kim Trường	0	10.710	0,32%	Thành viên điều hành
4	Bà Hạ Thị Dung	340.000	16.240	10,5%	Thành viên điều hành
5	Ông Hoàng Đình Phẩm	0	167.090	4,91%	Thành viên độc lập

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2013, HĐQT đã tổ chức 06 phiên họp trực tiếp để quyết định các vấn đề về tổ chức hoạt động và triển khai các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

Các cuộc họp HĐQT được thực hiện dân chủ, thẳng thắn và có Biên bản, ra Nghị quyết sau các phiên họp. Những vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền HĐQT theo quy định của Điều lệ đều được Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc báo cáo HĐQT để xem xét và Quyết định. HĐQT đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty.

Ban Tổng giám đốc đã nghiêm túc triển khai thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT. Năm 2013, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty hoàn thành được kế hoạch đã đề ra.

### 2. Ban kiểm soát

- Danh sách ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ
1	Đặng Xuân Sang	5.460	0,16%
2	Khuất Văn Nga	0	0
3	Trương Thị Thu cúc	7.110	0,21%

- Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2013 ban kiểm soát đã tiến hành 06 cuộc kiểm tra, kiểm soát các mặt hoạt động của Công ty thông qua các báo cáo tài chính hàng quý, năm và việc thực hiện các quy chế, quy định tại Công ty.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát được thảo luận dân chủ công khai và có các Biên bản làm việc, Ban kiểm soát đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn do Điều lệ Công ty quy định. Trưởng Ban kiểm soát được



tham gia cuộc họp của Hội đồng quản trị theo yêu cầu. Ban kiểm soát được Ban điều hành tạo điều kiện tiếp cận thông tin và tài liệu liên quan trong quá trình hoạt động và thực thi nhiệm vụ.

**3 . Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

**a) Lương, thưởng, thù lao, các lợi ích**

TT	Họ và Tên	Số tiền (đồng)
1	Phùng Đệ - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	330.206.890
2	Hạ Thị Dung - Ủy viên HĐQT	239.702.914
3	Nguyễn Kim Tường - Ủy viên HĐQT	254.660.900
4	Hoàng Đình Phẩm - Ủy viên HĐQT	46.000.000
5	Hoàng Anh Dũng - Ủy viên HĐQT	41.000.000
6	Lê Xuân Thành - Phó tổng giám đốc	281.131.880
7	Đặng Xuân Sang - Trưởng ban Kiểm soát	42.000.000
8	Khuất Văn Nga - UV BKS	74.966.442
9	Trương Thị Thu Cúc - UV BKS	119.672.338

**b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2013 : không có.**

**c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.**

#### **IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

##### **1. Ý kiến kiểm toán**

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Khí cụ điện 1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng Kiểm toán AASC.**

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật  
của Công ty**



**Nơi nhận :**

- Như Kính gửi;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT